

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2019/HS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và ông Phạm Xuân Thọ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần M Tuấn- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy H- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2019/HSST- QĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/QĐHPT ngày 08/5/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/02/1995 tại V; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2013/HSST ngày 20/9/2013, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh V xử phạt bị cáo 03 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 14/2013/HSST của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 05 năm 03 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2017; nhân thân: 02. Tại bản án số 14/2013/HSST ngày 17/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 năm 06 tháng tù về tội “Đe dọa giết người” (Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi). Tại Bản án số 44/HSST ngày 16/4/2019 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/10/2018).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2018 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 22/6/1998 tại V; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Không (đang là Sinh viên trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật V); trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Người bị hại: Vũ Duy K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị H- sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Hợp, phường Đ, thành phố V, tỉnh V.

Bà Dương Thị T, sinh năm 1958; nơi cư trú: phường Đồng Đa, thành phố V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết, khoảng tháng 4/2018, Nguyễn Văn Đ cho anh Vũ Duy K vay số tiền 5.000.000đ, khi vay không có giấy tờ gì. Đến ngày 25/5/2018, anh K tiếp tục vay của Đ số tiền 10.000.000đ, hai bên viết giấy vay mượn và anh K để lại 01 căn cước công dân, 01 sổ hộ khẩu gia đình để làm tin. Theo thỏa thuận, hàng ngày anh K phải trả cho Đ số tiền 250.000đ cho đến khi trừ hết nợ. Anh K trả cho Đ 05 ngày thì không có tiền trả, Đ điện thoại nhiều lần để đòi nợ nhưng anh K trốn tránh không gặp. Khoảng 21giờ ngày 26/6/2018, Nguyễn Văn H điều khiển xe máy nhãn hiệu SH (không rõ biển kiểm soát) chở Đ và 02 xe máy nữa là nhóm bạn mới quen của Đ (trong đó có 01 nam giới tên Bổng ở tỉnh Bắc Ninh và 03 nam giới là bạn của Bổng, không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) đi trên đường N, phường L, thành phố V. Lúc này Đ nhìn thấy K điều khiển xe máy biển kiểm soát 88F1 - 300.46 chở Nguyễn Như Q đi cùng chiều liền bảo H điều khiển xe chặn xe K lại, mục đích để đòi tiền K. H điều khiển xe chặn đầu xe K, Đ hỏi K sao không trả tiền Đ và yêu cầu K ngồi lên xe của H để về quán nói chuyện, mục đích ép K phải trả nợ. K nói để K tự đi xe của mình theo Đ nhưng Đ không đồng ý vì sợ K bỏ trốn và nói sẽ có người đi xe của anh K. Anh K thấy Đ đòi nợ, ngại đứng ở đường và ngại bạn gái biết nên ngồi lên xe để H chở Đ ngồi sau. Còn 01 nam giới đi xe máy của K. Nhóm Đ đưa K đến quán Cầm đồ T ở số 435 M, phường K, thành phố V của anh Nguyễn Khắc T (là bạn của Đ). Còn Q thấy K đi nên đi đón xe về nhà. Khi nhóm Đ đưa anh K đến quán thì gặp anh T và M đang ở quán. T nhờ Đ trông giữ quán để đi ăn đêm. M cũng ra về luôn. Đ đồng ý và đưa K vào trong phòng ngủ phía sau phòng khách. Còn H, Bổng và 03 nam giới ngồi ghế phòng khách đợi Đ. Tại trong phòng, Đ đấm, đá anh K và yêu cầu anh K phải trả nợ ngay nhưng anh K nói không có. Anh K bảo Đ để anh K cầm cố chiếc xe máy của mình nhưng Đ không đồng ý và yêu cầu anh K phải trả tiền ngay. Sợ bị đánh nên anh K gọi điện cho chị Hoàng Thị Kim C là vợ của anh K, bảo chị C mang 15.000.000đ đến quán để trả nợ nhưng chị C nói không đến được vì có con nhỏ, xin thả anh K về, khát nợ

đến mai sẽ trả nhưng Đ không đồng ý. Lúc này Đ liên nghe điện thoại nói chị C mang tiền đến trả nếu không sẽ không thả K về. Chị C nói không đi được, bảo Đ đến nhà chị C giải quyết nhưng Đ không đồng ý. Sau đó Đ lại dùng tay, chân đấm, đá liên tiếp vào người anh K. Anh K gọi điện cho mẹ đẻ là bà Phan Thị H bảo bà H cầm 15.000.000đ đến trả nợ, nhưng bà H nói không có. K bảo bà H đến quán cầm đồ nói chuyện. Bà H nhờ bà Nguyễn Thị Đ điều khiển xe máy đến gặp anh K, còn bà Điều đứng ngoài đợi. Bà H vào quán gặp anh K ở phòng khách bị đánh sưng bầm tím. Bà H hỏi anh K nợ ra sao thì Đ nói anh K nợ 15.000.000đ trốn không trả, hôm nay phải trả nếu không sẽ không cho anh K về. Bà H có hẹn Đ sẽ trả tiền cho Đ vào 8h ngày 27/6/2018 nhưng Đ không đồng ý. Bà H bảo Đ chờ để đi vay tiền trả cho Đ. Đ đồng ý và bảo H về quán cầm đồ ở Y, V lấy căn cước công dân của anh K, sổ hộ khẩu anh K và giấy vay mượn tiền đến quán. Đ bảo H nếu bà H trả đủ 15.000.000đ thì mới trả giấy tờ và cho anh K về. H đồng ý rồi điều khiển xe máy của Đ về quán cầm đồ của Đ ở Y lấy giấy tờ trên và quay lại quán đợi. Bà H đi ra ngoài cùng bà Điều đi xe máy khỏi quán. Bà H gọi điện và đến gặp bà Dương Thị T là mẹ vợ của anh K hỏi vay 15.000.000đ. Bà T đồng ý đưa 15.000.000đ cho bà H. Bà H không nói cho bà T biết việc anh K bị nhóm Đ đánh, ép trả nợ. Bà H quay lại quán thì gặp anh K, H, Bồng và 03 nam giới khác đang chờ ở phòng khách. Còn Đ đang ở trong phòng ngủ nghe điện thoại. Bà H đưa cho H 15.000.000đ, H cầm tiền và đưa cho bà H căn cước công dân của anh K, sổ hộ khẩu anh K và giấy vay mượn tiền của anh K. Bà H thắc mắc sao trong giấy vay 10.000.000đ, chưa đến ngày trả lại đòi 15.000.000đ. Thì H nói không biết, chỉ làm theo lời dặn của Đ. Bà H liền đưa cho anh K giấy vay mượn tiền, anh K liền xé ném đi và cùng bà H đi về. Lúc sau Đ đi ra ngoài gặp H thì được H đưa số tiền 15.000.000đ. Sau đó anh T đi ăn đêm xong quay về quán thì nhóm Đ ra về. Thấy anh K bị thương tích nên bà H đưa anh K đến Bệnh viện đa KH V khám chữa trị. Đến ngày 27/6/2018, bà H đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên.

Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKSTPVY ngày 25/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại, Vũ Duy K và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H và bà Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận như nội dung bản cáo trạng và không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Các bị cáo không có bào chữa, tranh luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ việc anh Vũ Duy K có vay của Nguyễn Văn Đ số tiền 15.000.000đ nhưng không trả đúng hạn và lẩn tránh không gặp Đ. Khoảng 21 giờ ngày 26/6/2018, khi Đ và Nguyễn Văn H đang đi trên đường thì nhìn thấy K nên Đ và H đưa K về tại số nhà 435 đường M, phường K, thành phố V, tỉnh V. Tại đây, Nguyễn Văn Đ có hành vi dùng tay chân đâm đá vào người anh Vũ Duy K để đòi số tiền 15.000.000đ do K nợ trước đó. Quá trình bị đánh, anh K bị sung bầm tím mặt, cổ, gãy xương sườn V bên trái, tỷ lệ thương tích là 3%. Mặc dù Nguyễn Văn H không trực tiếp gây thương tích cho anh K nhưng biết việc Đ gây thương tích cho anh K để đòi nợ trái pháp luật nhưng H vẫn tích cực giúp Đ chiếm đoạt của anh Vũ Duy K số tiền 15.000.000đ.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H đã phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân cũng như vai trò của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 10 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo H là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Đ mặc dù đã 02 lần bị đưa ra xét xử, tuy nhiên tại Bản án số 14/2013/HSST ngày 17/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V xử phạt Đ 01 năm 06 tháng tù về tội “Đe dọa giết người” nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên không coi là tiền án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 01 tiền án vì tại Bản án số 76/2013/HSST ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh V xử phạt bị cáo 03 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 14/2013/HSST ngày 17/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện S buộc Đ phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 03 tháng tù, ra trại ngày 01/9/2017 nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm. Đối với Bản án số 44/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 năm 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng không bị coi là tiền án vì hành vi này bị cáo thực hiện ngày 10/10/2018 (thực hiện sau hành vi của tội Cướp tài sản) và không tổng cộng hình phạt trong bản án này vì ngày 24/4/2019 bị cáo kháng cáo nên Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã cùng nhau bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại cũng có một phần lỗi không thực hiện việc trả nợ đúng hạn và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H do khi thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của Đ, không tham gia đánh anh K, khi cầm số tiền 15.000.000đ nghĩ đơn giản đây là số tiền K trả nợ cho Đ, bản thân bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bản thân bị cáo đang là sinh viên của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật V nên cần tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục theo học và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt tù, bị cáo H được hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên đây là đồng phạm giản đơn. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có phân hóa vai trò của từng bị cáo để có đường lối xử lý tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện theo quy định tại Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo đều không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: Đối với người bạn của Đ tên là Bồng và 03 người bạn đi cùng Bồng quá trình điều tra xác định Đ và H mới quen những người này nên không biết tên, tuổi, địa chỉ của những người này nên không có cơ sở để điều tra, xác minh lấy lời khai nên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn Đ yêu cầu Vũ Duy K ngồi sau xe máy do Nguyễn Văn H chở từ đường N thuộc phường L về quán cầm đồ T ở số nhà 435 đường M thuộc phường K để đòi tiền. Quá trình điều tra xác định anh K tự nguyện đi cùng nhóm của Đ để nói chuyện nợ nần, không bị ai lôi kéo hay ép buộc K phải đi theo. Tại quán cầm đồ cả Đ và H không phân công người cảnh giới hay quản lý K nên không đề cập xử lý K và H về hành vi bắt giữ người trái pháp luật.

Đối với thương tích của Vũ Văn K do bị Đ dùng chân tay đánh đá với tỷ lệ thương tích 3% có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích” nhưng ngày 12/12/2018 anh K có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đ. Do đó không đề cập xử lý đối với Đ về hành vi Cố ý gây thương tích là đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Khắc T là chủ quán cầm đồ số nhà 435 đường M, phường K, thành phố V nhưng do Đ và T có mối quan hệ bạn bè nên tối 26/6/2018 Đ dẫn người đến quán cầm đồ, anh T tin tưởng nhờ Đ trông nhà giúp nên không biết việc Đ sử dụng địa điểm của mình để thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 15.000.000đ mà bà Nguyễn Thị H đưa cho K để trả nợ cho Đ, Đ đã tiêu sài hết nên không thu giữ được. K

xác định trừ vào số tiền mà K đã vay nợ của Đ. Bà T không yêu cầu bà H và K phải trả lại số tiền trên. Đối với số tiền K trả nợ Đ 1.250.000đ anh K không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với thương tích của anh K, Đ và H đã bồi thường số tiền 25.000.000đ. Anh K không yêu cầu phải bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ và H.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe máy SH không rõ biển kiểm soát là phương tiện Đ và H sử dụng vào việc phạm tội là tài sản do Đ nhận cầm cố của khách hàng. Khi khách đến chuộc xe Đ đã trả lại giấy tờ cầm cố nên Cơ quan điều tra không thu giữ là đúng pháp luật.

Đối với giấy nợ, căn cước công dân và sổ hộ khẩu của anh Vũ Duy K thì ngay sau khi bà H đưa cho H số tiền 15.000.000đ, H đã trả lại các giấy tờ trên cho bà H. Đối với giấy nhận nợ K đã xé nên không thu giữ được.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 09/11/2018).

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội "Cướp tài sản", thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Sái Văn Trọng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Lê Nữ Hương Huyền

